

Số: /BNN-KH
V/v báo cáo giải pháp đẩy mạnh sản xuất,
chế biến, tiêu thụ nông sản năm 2020

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 2683/VPCP-KTTH ngày 07/4/2020 chuẩn bị tổ chức Hội nghị trực tuyến của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo những nội dung được giao như sau:

I. THỨC ĐẦY SẢN XUẤT

1. Lương thực

a) Mục tiêu: Dự kiến kế hoạch sản xuất lúa năm 2020 đạt 7.364 nghìn ha; năng suất bình quân 59,3 tạ/ha, sản lượng đạt **43,5 triệu tấn thóc**, tăng 1,6% so với kế hoạch.

b) Về sản xuất:

- Đến 30/6/2020: Dự kiến thu hoạch xong Vụ Đông Xuân với diện tích gieo trồng 3.014 nghìn ha, năng suất bình quân 66,9 tạ/ha; sản lượng ước đạt **20,2 triệu tấn thóc**. Cụ thể :

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Diện tích 1.538 nghìn ha; năng suất bình quân 70 tạ/ha; sản lượng 10,8 triệu tấn.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Diện tích 77 nghìn ha; năng suất bình quân 58,8 tạ/ha; sản lượng 0,5 triệu tấn

+ Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Diện tích 209 nghìn ha; năng suất bình quân 66,5 tạ/ha; sản lượng 1,4 triệu tấn.

+ Vùng Tây Nguyên: Diện tích 87 nghìn ha; năng suất bình quân 67,3 tạ/ha; sản lượng 0,6 triệu tấn.

+ Vùng Bắc Trung Bộ: Diện tích 350 nghìn ha; năng suất bình quân 63,2 tạ/ha; sản lượng 2,2 triệu tấn.

+ Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Diện tích 245 nghìn ha; năng suất bình quân 58 tạ/ha; sản lượng 1,4 triệu tấn.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Diện tích 508 nghìn ha; năng suất bình quân 65,8 tạ/ha; sản lượng 3,3 triệu tấn.

Như vậy, trong điều kiện rất khó khăn, nhất là ĐBSCL hạn mặn lịch sử nhưng vẫn được mùa do chủ động nhận định sớm cùng tập trung các giải pháp tổng hợp. Đến nay, căn bản diện tích lúa Đông Xuân các vùng miền đều khá tốt, sẽ đạt kế hoạch với sản lượng khoảng 20,2 triệu tấn thóc trong 6 tháng đầu năm, chiếm 46% sản lượng thóc cả năm. Với kết quả đó sẽ đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng trong nước 6 tháng và công tác xuất khẩu (nếu diễn ra bình thường).

- Từ tháng 7 đến hết năm 2020: Sản xuất 3 vụ, gồm: Hè Thu, Thu Đông và vụ Mùa với tổng diện tích gieo cấy dự kiến 4.350 nghìn ha, năng suất bình quân 53,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt **23,3 triệu tấn thóc**. Cụ thể

+ Vụ Hè Thu: dự kiến diện tích 1.977 nghìn ha; năng suất bình quân 55,8 tạ/ha; sản lượng 11 triệu tấn, sẽ tập trung thu hoạch từ 15/6 - 30/9/2020.

+ Vụ Thu Đông tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long: dự kiến diện tích 750 nghìn ha; năng suất bình quân 55,4 tạ/ha; sản lượng 4,2 triệu tấn thóc, sẽ tập trung thu hoạch từ 15/9 - 15/11/2020.

+ Vụ Mùa: Diện tích 1.623 nghìn ha; năng suất bình quân 50,4 tạ/ha; sản lượng 8,2 triệu tấn thóc; dự kiến sẽ tập trung thu hoạch từ 15/9 - 31/12/2020.

c) Cân đối cung cầu

- Nhu cầu trong nước: 30 triệu tấn thóc, gồm:

+ Tiêu thụ của người dân: 14,5 triệu tấn thóc (96 triệu người * 97 kg gạo/người/năm = 9,3 triệu tấn gạo)

+ Phục vụ chế biến: 7,5 triệu tấn thóc.

+ Phục vụ chăn nuôi: 3,4 triệu tấn thóc.

+ Dùng làm giống, giống dự phòng: 1,0 triệu tấn thóc.

+ Dự trữ trong nước: 3,8 triệu tấn thóc.

- Xuất khẩu: Dự báo, sản lượng gạo xuất khẩu năm 2020 từ 6,5 - 6,7 triệu tấn gạo.

d) Giải pháp

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành và địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp, trong đó tập trung theo dõi chặt chẽ thời tiết, sâu bệnh để có các biện pháp kỹ thuật kịp thời, đảm bảo được kế hoạch sản xuất lúa năm 2020, cụ thể:

- Tập trung chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh như: Bệnh đạo ôn cổ bông, rầy nâu, bạc lá cho 1,2 triệu ha lúa Đông Xuân từ Thừa Thiên Huế trở ra để đảm bảo năng suất, sản lượng cao nhất khoảng 7 triệu tấn.

- Đối với các vụ còn lại (Hè Thu tại ĐBSCL, Hè Thu tại Nam Trung bộ và Tây Nguyên, vụ Mùa ở phía Bắc, vụ Thu Đông ở ĐBSCL): Tập trung bám sát thực tế để có biện pháp chỉ đạo tập trung, nhằm đạt năng suất, sản lượng cao nhất, đặc biệt là vụ Thu Đông ở ĐBSCL. Đến cuối Quý II và đầu quý III, trên cơ sở tín hiệu thị trường và điều kiện sản xuất sẽ tăng diện tích gieo cấy để tăng sản lượng, khai thác lợi thế thị trường.

2. Thực phẩm

a) Rau: Năm 2020, kế hoạch sản xuất khoảng **980 nghìn ha** rau các loại (tăng khoảng 13,5 nghìn ha so với năm 2019), năng suất bình quân dự kiến đạt 183 tạ/ha (tăng 01 tạ/ha so với năm 2019). Sản lượng dự kiến đạt **17,9 triệu tấn** (tăng hơn khoảng 347 nghìn tấn so với năm 2019).

Nhu cầu tiêu thụ rau cho 96 triệu người dân trong một năm khoảng 14 triệu tấn, như vậy sẽ có khoảng gần 4 triệu tấn rau hàng hóa phục vụ chế biến và xuất khẩu

Với các loại rau, màu do có thời gian sinh trưởng ngắn nên căn cứ vào tình hình nhu cầu tiêu thụ nội địa, xuất khẩu Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ có những chỉ đạo, điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

b) Quả: Dự kiến diện tích cây ăn quả cả nước năm 2020 khoảng **1,1 triệu ha** (tăng khoảng 40-50 ngàn ha so với năm 2019). Sản lượng ước trên **13,5 triệu tấn** (tăng khoảng 1,3 triệu tấn so với năm 2019). Nhóm cây có diện tích tăng chính vẫn là bưởi, sầu riêng, mít, xoài, thanh long, na, bơ, chanh leo.

Căn cứ vào nhu cầu tiêu thụ nội địa hoặc xuất khẩu theo từng thời gian Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ có những chỉ đạo về rải vụ đối với các loại cây trồng chính tại vùng đồng bằng sông Cửu Long với các loại trái cây như thanh long, nhãn, sầu riêng, xoài, chôm chôm.

c) Thịt các loại, trứng, sữa

(1) Mục tiêu: Năm 2020, dự kiến sản lượng thịt các loại ước đạt 5,8 triệu tấn, tăng 16,3% so với năm 2019, trong đó sản lượng thịt lợn ước đạt 3.855 nghìn tấn, tăng 18,4% so với năm 2019; thịt gia cầm ước đạt 1,42 triệu tấn, tăng 11,0%; thịt trâu đạt 98,5 nghìn tấn, tăng 3,6%; thịt bò ước đạt 365,3 nghìn tấn, tăng 4,6%; sữa đạt 1,15 triệu tấn, tăng 11,4%; trứng đạt 14,6 tỷ quả, tăng 9,6%.

(2) Kết quả quý I

- Lợn: 3 tháng đầu năm đã tăng hơn 2 triệu con so với tháng 12/2019; tốc độ tăng đàn bình quân 3 tháng đầu năm 2020 tăng 6,2%. Từ tháng 01/2020, các địa phương đã có sản phẩm của lợn nuôi tái đàn, với tổng đàn lợn tính đến tháng 3/2020 đạt gần 24 triệu con; tổng đàn lợn nái sinh sản có 2,62 triệu con (không bao gồm 110 ngàn con lợn ông bà và cựa ky).

Quý I, sản lượng thịt lợn ước đạt 811,0 nghìn tấn. Dự kiến quý II đạt 950 nghìn tấn; quý III đạt 1.011 nghìn tấn và quý IV đạt 1.083 nghìn tấn. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhu cầu thịt lợn trung bình trong năm 2018 (trước khi có bệnh DTLG) là khoảng 920 nghìn tấn/quý (chưa tính lượng thịt lợn xuất khẩu), như vậy đến cuối quý II, quý III có khả năng cân bằng được cung cầu thịt lợn.

Đến nay, 99% số xã đã qua ít nhất 30 ngày không có dịch, đã công bố hết dịch; 42 tỉnh/TP đã công bố hết dịch. Ở khối doanh nghiệp, 15 doanh nghiệp lớn, là hạt nhân của ngành chăn nuôi lợn có tốc độ tăng đàn tới 17%.

Giá thịt lợn từng bước được hạ thấp, tỷ lệ nghịch với tốc độ tái đàn; phù hợp hơn với nhu cầu (từ 95 nghìn đ/kg thịt hơi xuống 70 nghìn đ/kg ở những doanh nghiệp lớn).

Với đà tăng trưởng tái đàn và các giải pháp tổng thể, kiểm soát bình ôn Quý III, IV không chỉ đạt được mục tiêu đáp ứng đủ nhu cầu mà còn đưa giá về mức hợp lý.

- Trâu, bò: Chăn nuôi trâu, bò không có biến động lớn. Thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 27,5 nghìn tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ và bằng 27,9% kế hoạch năm; thịt bò ước đạt 106,5 nghìn tấn, tăng 7,3% và bằng 29,1% kế hoạch.

- Gia cầm: Chăn nuôi gia cầm tiếp tục tăng khoảng 15%; đàn gia cầm hiện có gần 470 triệu con, sản lượng thịt gia cầm ước đạt 383,4 nghìn tấn, tăng 17,6% và bằng 27% kế hoạch.

Với tổng đàn lớn như hiện nay, dịch bệnh luôn là mối đe dọa cần hết sức theo dõi sát sao, chủ động chỉ đạo tổng thể các biện pháp phòng chống. Vì vậy, ngay từ cuối năm 2019, Bộ đã chủ động chỉ đạo quyết liệt công tác phòng bệnh nên thời điểm hiện nay chỉ có 05 điểm với 14.500 gia cầm phải tiêu hủy, chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng đàn 470 triệu con. Từ đó, cho thấy, kỳ vọng đáp ứng đủ, chủ động nhu cầu hơn 1,4 triệu tấn thịt gia cầm cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Sản lượng trứng ước đạt 4,1 tỷ quả, tăng 14,1% và bằng 28,2% kế hoạch.

- Sữa bò tươi ước đạt 257,1 nghìn tấn, tăng 5% và bằng 22,4% kế hoạch.

(3) Giải pháp

Tiếp tục kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, đặc biệt để không tái nhiễm dịch tả lợn Châu Phi. Đẩy nhanh tiến độ và quy mô tái đàn, khôi phục đàn lợn nhằm ổn định thị trường và giá cả mặt hàng thịt lợn trong nước. Hướng dẫn doanh nghiệp và người dân các điều kiện để tái đàn lợn theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh.

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở sản xuất lợn giống tại địa phương và các doanh nghiệp tăng cường việc nhân giống, cung ứng lợn giống có chất lượng và an toàn dịch bệnh cho người chăn nuôi để thực hiện việc tái đàn, tăng đàn lợn.

Phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính kiểm soát giá thành và giá bán sản phẩm của các doanh nghiệp chăn nuôi lớn; kiểm soát chặt, hạn chế tối đa việc đầu cơ, găm hàng để tăng giá lợn thịt, lợn giống hiện nay trên thị trường; nghiên cứu và đề xuất chính sách hỗ trợ sản xuất con giống và tín dụng để người chăn nuôi vay vốn đầu tư khôi phục chăn nuôi lợn.

Tăng cường nhập khẩu thịt lợn để đảm bảo lợi ích giữa người chăn nuôi và người tiêu dùng.

Phối hợp với địa phương và doanh nghiệp để điều chỉnh tốc độ tăng trưởng của đàn gia cầm và các sản phẩm gia cầm (thịt, trứng). Mở rộng quy mô đàn gia súc ăn cỏ; kiểm soát chất lượng con giống, khuyến khích giải pháp cải tạo nâng cao tầm vóc đàn gia súc ăn cỏ.

d) Thủy sản

(1) Mục tiêu: Năm 2020, phần đầu tổng sản lượng thủy sản đạt 8,5 triệu tấn, tăng 4,4% so với năm 2019. Trong đó, sản lượng khai thác đạt 3,9 triệu tấn, tăng 3,5%, sản lượng nuôi trồng đạt gần 4,7 triệu tấn, tăng 5,3% (cá tra đạt 1,6 triệu tấn, tăng 5,0%; tôm sú đạt 283,9 nghìn tấn, tăng 3,2%; tôm thẻ đạt 594 nghìn tấn, tăng 8,5%).

(2) Kết quả quý I: Tổng sản lượng thủy sản ước đạt gần 1,5 triệu tấn, tăng 2,0% so với cùng kỳ 2019, bằng 17,6% kế hoạch. Trong đó, khai thác đạt 841 nghìn tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ và bằng 21,5% kế hoạch; sản lượng nuôi trồng ước đạt 662,1 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ và bằng 14,2% kế hoạch. Sản lượng cá Tra đạt 242,8 nghìn tấn, bằng 15,2% kế hoạch; Tôm đạt 108,9 nghìn tấn (tôm sú đạt 45 nghìn tấn, bằng 15,4% kế hoạch; tôm thẻ chân trắng đạt 49,8 nghìn tấn, bằng 8,4% kế hoạch).

(3) Giải pháp

- **Nuôi trồng thủy sản:** Tiếp tục chỉ đạo tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản các đối tượng chủ lực (tôm sú, tôm chân trắng, cá tra) và các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao theo hướng nâng cao giá trị thương mại và phát triển bền vững.

Tập trung đăng ký cấp giấy xác nhận (mã số) cơ sở nuôi tôm nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), cá tra, nuôi lồng bè; công tác kiểm tra, cấp duy trì chứng nhận đủ điều kiện đối với các cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung để kịp thời đưa ra khuyến cáo và cảnh báo nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại cho người nuôi; đồng thời, phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững.

- **Khai thác thủy sản:** Theo dõi và nắm chắc về tình hình, diễn biến thời tiết và thông tin về nguồn lợi thủy sản để chỉ đạo kịp thời; huy động tàu thuyền để khai thác có hiệu quả. Quản lý tốt hạn ngạch khai thác hải sản, giảm dần số lượng tàu cá khai thác và đẩy mạnh công tác chuyển đổi từ nghề khai thác xâm hại nguồn lợi thủy sản và môi trường sang các nghề nuôi biển, nghề khác cho ngư dân.

Chỉ đạo các địa phương hướng dẫn ngư dân đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức khai thác theo tổ, đội để tăng thời gian bám biển, tiết kiệm chi phí di chuyển ngư trường, nâng cao hiệu quả khai thác.

Xây dựng quy trình đầy đủ về công tác xác nhận và chứng nhận thủy sản khai thác trước khi xuất khẩu. Phối hợp hoàn thiện hệ thống chứng nhận điện tử để kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá như cấp phép khai thác với công tác chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy trình kiểm tra, kiểm soát tàu cá, sản lượng bốc dỡ qua cảng theo yêu cầu của EC.

Chuẩn bị tốt nội dung để làm việc với Đoàn Thanh tra của EC đánh giá tiến độ thực hiện các khuyến nghị lần thứ 2 (cuối tháng 5).

3. Lâm nghiệp

(1) Mục tiêu: Năm 2020, phân đầu đạt tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%; diện tích trồng rừng mới đạt 265 nghìn ha, tổng sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng đạt khoảng 20,5 triệu m³. Đồng thời, khai thác gỗ từ rừng trồng phân tán và thanh lý vườn cây cao su đạt 9,5 triệu m².

(2) Kết quả quý I: Cả nước đã trồng rừng tập trung ước đạt 27,1 nghìn ha, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, bằng 10,2% kế hoạch; sản lượng gỗ khai

thác ước đạt 2,9 triệu m³, tăng 5,0% so với cùng kỳ và bằng 16,9% kế hoạch; sản lượng củ khai thác ước đạt 4,63 triệu ster, tăng 0,2%.

(3) Giải pháp: Những tháng cuối năm, lĩnh vực lâm nghiệp sẽ tập trung trồng và chăm sóc rừng; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có để tăng độ che phủ rừng lên 42%.

Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; đảm bảo cung cấp phần lớn gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và các lâm đặc sản khác cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ Hiệp định VPA/FLEGT đã được phê duyệt, tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU.

II. ĐẨY MẠNH CHẾ BIẾN VÀ THỊ TRƯỜNG

1. Mục tiêu

Năm 2020, xuất khẩu hàng hóa nông lâm thủy sản dự kiến đạt 42 tỷ USD. Trong đó, hàng nông sản khoảng 19,5 - 20 tỷ USD, lâm sản và đồ gỗ khoảng 12 tỷ USD, các mặt hàng thủy sản khoảng 9,5 - 10 tỷ USD, các mặt hàng chăn nuôi khoảng 0,8 tỷ USD.

Tập trung đẩy mạnh chế biến tất cả các ngành hàng nông sản, coi đây vừa là giải pháp tất yếu vừa là cơ hội để thúc đẩy nhanh, hiệu quả tái cơ cấu nông nghiệp, tăng trưởng chuỗi giá trị.

Trong tất cả các ngành hàng, có 2 ngành hàng chiếm tỷ trọng chế biến thấp nhưng lại rất quan trọng, đó là chế biến sản phẩm chăn nuôi và chế biến rau quả, phải tập trung thúc đẩy nhanh hơn.

2. Giải pháp đẩy mạnh chế biến nông sản

a) Chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

- Về chế biến

+ Đảm bảo nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến .

+ Tập trung vào việc định hướng và khuyến khích đầu tư xây mới hoặc nâng cấp cơ sở giết mổ và chế biến hiện đại, đảm bảo kiểm soát được ATTP.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà máy chế biến công suất lớn:

+ Hoàn thành Nhà máy chế biến, xuất khẩu thịt gà công suất 100 triệu con tại Bình Phước, dự kiến hoàn thành giữa năm 2020; nhà máy chế biến thịt lợn công suất 1,4 triệu con tại Long An; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy chế biến thịt lợn tại Chương Mỹ, Hà Nội; thúc đẩy đầu tư các nhà máy chế biến thịt lợn, thịt gà công suất lớn ở các địa phương: Bình Định, Thanh Hóa, Bắc Giang.

- Về thị trường

+ Đối với tiêu thụ trong nước

Xây dựng các mô hình giết mổ tập trung và phân phối thịt lợn, thịt gia cầm có kiểm soát thú y chặt chẽ và xử lý hiệu quả môi trường phục vụ nhu cầu tiêu thụ lớn tại các đô thị và các khu công nghiệp.

Nghiên cứu, chế tạo trong nước các dây chuyền giết mổ gia súc, gia cầm gắn với xây dựng sàn đấu giá hiện đại (đấu giá điện tử) tại các chợ đầu mối tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

Có chính sách hỗ trợ cần thiết (đất đai, hạ tầng...), khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

+ Đối với xuất khẩu thịt gia súc, gia cầm

Nhân rộng mô hình chăn nuôi và chế biến xuất khẩu khép kín của *Koyu & Unitek* đối với thịt gà; tập đoàn Masan đối với dự án xây dựng tổ hợp chế biến thịt lợn. Theo đó:

Các doanh nghiệp “đầu tàu” đóng vai trò chính trong tổ chức chuỗi liên kết chăn nuôi khép kín, kiểm soát từ con giống, thức ăn chăn nuôi, kiểm soát an toàn dịch bệnh và dư lượng thuốc kháng sinh (đảm bảo gia súc, gia cầm trước khi chế biến dư lượng kháng sinh dưới mức cho phép).

Đầu tư trang thiết bị giết mổ và chế biến hiện đại, bao gồm: Dây chuyền giết mổ, làm chín, đóng gói chân không thịt gà; Dây chuyền giết mổ thịt lợn mảnh; Hệ thống kho lạnh cấp đông đảm bảo yêu cầu công nghệ; trang, thiết bị kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

b) Chế biến và tiêu thụ rau quả

- Về sản xuất nguyên liệu

+ Quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất rau quả an toàn, áp dụng công nghệ cao và thực hành nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt GAP, Global GAP. Phát triển ngành rau quả theo hướng gắn kết chặt chẽ với lợi thế vùng, miền; mỗi địa phương chỉ tập trung phát triển 1-2 loại cây chủ lực, phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ đối với một số loại rau quả đặc trưng, chất lượng cao.

+ Thực hiện liên kết doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế hợp tác của nông dân (HTX), tại đó doanh nghiệp đặt hàng các loại rau quả phù hợp với thị trường, cùng HTX kiểm soát quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn và bao tiêu sản phẩm.

- Về chế biến

+ Tập trung đẩy mạnh công suất 7 nhà máy chế biến công suất lớn trong lĩnh vực rau củ quả¹ vừa được khánh thành cuối năm 2019, tăng cường hoạt động phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, với tổng công suất hơn 120.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Năm 2020, tiếp tục tập trung triển khai một số dự án trọng điểm trong Quý III/2020: (1) Khởi công Nhà máy chế biến rau quả của Doveco tại Sơn La công suất khoảng 200 tấn/ngày; (2) Khánh thành Nhà máy dưa Vina T&T Kim Thanh 4 tại Bến Tre chuyên về xoài, dưa, công suất 25 triệu quả dưa/năm; 400 tấn xoài/tuần...

+ Phối hợp địa phương đẩy mạnh hình thành hệ thống các xưởng sơ chế, bảo quản đóng gói, các kho lạnh bảo quản trung chuyên ngay tại các vùng sản

¹ Nhà máy chế biến nông sản Trinh Nhi, Trung tâm chế biến rau quả Doveco Gia Lai, Tổ hợp sản xuất và chế biến hoa rau quả xuất khẩu **Nafoods**, Nhà máy nước uống tinh khiết, thảo dược và hoa quả Núi Tiên (tập đoàn TH), Nhà máy chế biến Tanifood của **Công ty cổ phần Lavifood**, Nhà máy chế biến rau củ quả Haphofood (**Hải Phòng**), Nhà máy dưa Kim Thanh 3 tại Châu Thành, Bến Tre

xuất chuyên canh tập trung nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 10% vào năm 2030 nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu hàng năm khoảng 14,5 triệu tấn rau, trong đó Đồng bằng sông Hồng (187,6 ngàn ha) và Đồng bằng sông Cửu Long (253,2 ngàn ha) là hai vựa sản xuất rau lớn nhất nước, đồng thời đáp ứng hơn 10 triệu tấn quả (chia làm 3 nhóm chính: (i) Nhóm cây ăn quả nhiệt đới như: chuối, dứa, xoài; (ii) Nhóm cây ăn quả á nhiệt đới như: cam quýt, vải, nhãn; (iii) Nhóm cây ăn quả ôn đới như: mận, đào, lê...).

+ Về sản phẩm chế biến rau quả: tập trung đông lạnh nhanh (IQF), sấy chân không, *đồ hộp, cô đặc*...; chế biến tổng hợp, đa dạng hóa sản phẩm (nước quả, pu rê quả, bột quả...); đưa tỷ trọng rau quả chế biến tăng từ 8% hiện nay lên 15% vào năm 2022 và 30% vào năm 2030; tận dụng phế phụ phẩm để hạ giá thành sản phẩm;

+ Phát triển các dịch vụ logistics, giảm tối đa chi phí vận chuyển đường bộ, đường hàng không và tàu biển.

- Về thị trường: Duy trì các thị trường truyền thống; khai thác, mở rộng các thị trường mới, tiềm năng một cách uyển chuyển, linh hoạt, sáng tạo để vừa chủ động, tranh thủ thời cơ, kết hợp 3 thành phần: Nhà nước, doanh nghiệp, người dân.

3. Đẩy mạnh tiêu thụ nội địa và xuất khẩu chính ngạch

a) Đối với việc tiêu thụ nội địa

- Tăng cường liên kết người sản xuất với các chuỗi bán lẻ lớn, đảm bảo cân đối cung cầu, có thể truy xuất nguồn gốc, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuỗi.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc sản vùng miền, địa phương.

b) Thị trường xuất khẩu

(1) Thị trường Trung Quốc

Hiện nay, Trung Quốc đang kiểm soát tốt dịch bệnh nên thị trường nông sản dự kiến phục hồi vào cuối tháng 4, đầu tháng 5/2020 dẫn tới nhu cầu nhập khẩu nông sản cao, nhất là các mặt hàng thực phẩm. Để thúc đẩy nhập khẩu, Trung Quốc áp dụng nhiều giải pháp để tạo điều kiện nhập khẩu² đáp ứng nhu cầu trong nước. Như vậy, đây sẽ là cơ hội lớn để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc. Do vậy, cần huy động mọi nguồn lực (quản lý nhà nước, doanh nghiệp, người dân) để tập trung chỉ đạo sâu sát, toàn diện để khai thác lợi thế này.

Trong tháng 4, khi hệ sinh thái logistic và vận hành kinh tế chưa đồng bộ, các bộ, ngành, địa phương cần phối hợp chặt chẽ để điều tiết hợp lý, tránh ùn tắc hàng hóa ở cửa khẩu. Đồng thời phải đảm bảo tốt nhất các nguyên tắc xuất hàng theo yêu cầu, tiêu chuẩn chính ngạch. Nghiên cứu để xuất khẩu nông sản theo từng phân khúc/khu vực thị trường: (1) khu vực Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng

² vận hành bình thường của hoạt động logistic, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính giảm thuế 80 mặt hàng thực phẩm (trong tổng số trên 800 mặt hàng),....

Châu, Thẩm Quyên có xu hướng tiêu dùng thích những sản phẩm nhập khẩu chất lượng cao, chú trọng tới vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm; (2) Khu vực Thái Hưng, Trường Hưng, Giang Tô, các vùng gần biên giới Việt Nam... ưa chuộng các sản phẩm có mức giá vừa phải.

(2) Thị trường EU và Hoa Kỳ

Hiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại Châu Âu và Hoa Kỳ, chưa xác định được khi nào đạt đến đỉnh và kết thúc dịch. Theo ước tính, số lượng các ca nhiễm bắt đầu giảm trong 3 tháng tới. Hiện tại, có nhiều doanh nghiệp EU, Mỹ đã từ chối nhận các đơn hàng và xuất khẩu một số mặt hàng nông sản của Việt Nam đã ảnh hưởng đến xuất khẩu nông sản, trước hết là mặt hàng trái cây, gỗ, thủy sản.

Thị trường Hoa Kỳ sẽ có nhu cầu lớn về các sản phẩm nhiệt đới như thanh long, nhãn, chôm chôm và vú sữa. Tiêu chuẩn sản phẩm cao, xử lý bằng chiếu xạ trước khi xuất khẩu; Thị trường EU có nhu cầu các loại rau quả chế biến (nước chanh, nước dứa, gừng xay, nước dứa, cơm dứa sấy...); trái cây tươi (thanh long, nhãn, sầu riêng, dưa hấu, măng cụt, vải, xoài...). Do vậy trong thời gian này cần hướng dẫn các doanh nghiệp, địa phương có phương án và kế hoạch sản xuất, chế biến đáp ứng các tiêu chuẩn của các thị trường này, sẵn sàng để xuất khẩu khi dịch bệnh được kiểm soát.

(3) Thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc

Việc chống dịch đã đạt kết quả rất tích cực; dự đoán Nhật Bản và Hàn Quốc về cơ bản sẽ không chế được dịch bệnh trong cuối quý II. Do vậy, thị trường xuất khẩu nông sản sang Nhật Bản và Hàn Quốc sẽ bị ảnh hưởng trong tháng 4 đến tháng 5/2020 và sẽ quay trở lại vào tháng 6. Khi đó, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm của các nước này cũng sẽ tăng.

(4) Các thị trường khác như Canada, Nga... sẽ có nhu cầu các loại rau quả chế biến (nước chanh, nước dứa, gừng xay, nước dứa, cơm dứa sấy...); trái cây tươi (thanh long, nhãn, sầu riêng, dưa hấu, măng cụt, vải, xoài...); các sản phẩm như cà phê, các sản phẩm thủy sản...

Ngoài ra, cần đẩy nhanh việc đàm phán ký kết các Nghị định thư với các nước nhập khẩu, nhất là nhập khẩu rau quả. Cần ưu tiên vào một số thị trường có giá trị cao đối với các mặt hàng rau quả xuất khẩu chủ yếu (EU, Mỹ, Nhật Bản, Australia,..).

Chuẩn bị tốt nhất thông qua chế biến, bảo quản, hoàn thiện các bước trong quy trình hàng hóa xuất khẩu để khi xuất hiện tình thế tích cực của từng thị trường có thể đồng bộ khai thác được ngay.

Vì vậy, cần tranh thủ những ngành hàng và phương thức vận chuyển còn có thể với tất cả các thị trường đang chịu tác động lớn từ dịch Covid-19./.

III. CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC KINH DOANH, TIÊU THỤ

Đồng thời với các giải pháp về chế biến và thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định một số giải pháp về chuyển đổi phương thức kinh doanh, tiêu thụ nông sản, cụ thể:

1. Điều chỉnh sản xuất nông nghiệp, tăng cường chế biến, bảo quản, lưu thông để linh hoạt thích ứng với bối cảnh dịch bệnh

Yêu cầu các nhà máy chế biến tăng cường công suất, tập trung phân khúc hàng khô, sơ chế, sản phẩm cấp đông, nước quả cô đặc, trái cây ép đóng lon, thủy sản đồ hộp chế biến, gạo, gia cầm chế biến... để chuẩn bị tốt nhất phương án hậu dịch cho thị trường Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ; đặc biệt khi mùa hè quay trở lại.

Giảm thiểu mọi thủ tục trong các khâu kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn GAP, tận dụng lực lượng lao động tại chỗ thực hiện ngay tại vườn giúp nông dân bán nông sản phục vụ trong nước, xuất khẩu.

2. Phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp

- Thông tin kịp thời về tình hình sản xuất, lưu thông nông sản tại địa phương để chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường tiêu thụ;

- Áp dụng nhanh chóng các chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản lạnh, hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp và sử dụng hiệu quả các cơ sở bảo quản lạnh trên địa bàn để sử dụng khi nông sản chưa tiêu thụ được;

- Thành lập các trung tâm thu mua nông sản cơ động tại các tỉnh, kiểm soát thu mua từ các hợp tác xã để đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu khi dịch đã được kiểm soát.

3. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương, các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp

- Đa dạng các biện pháp phân phối hàng hóa, kích cầu tiêu dùng trong nước để chuẩn bị cho các vụ thu hoạch rau, củ, quả; vận động mạnh mẽ phong trào người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; trong đó, có sản phẩm nông sản; hỗ trợ phân phối sản phẩm trên thị trường online trực tuyến, đẩy mạnh hỗ trợ dịch vụ nhận hàng mua, bán sản phẩm và lưu thông sản phẩm với chi phí tối thiểu.

- Phát triển và nhân rộng các hình thức liên kết sản xuất tiêu thụ giúp ổn định giá cả và đầu ra cho bà con nông dân.

4. Bên cạnh tiêu thụ nội địa, chuyển hướng xuất khẩu nông sản (rau, củ, quả tươi và chế biến, thủy sản...) sang nhiều thị trường khác nhau có lợi thế (Nga, Ấn Độ, ASEAN...) bên cạnh thị trường Trung Quốc.

IV. THÚC ĐẨY GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Về giao và phân bổ vốn đầu tư năm 2020

Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao vốn năm 2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiến hành phân bổ ngay cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện (tại văn bản số 9770/BNN-KH ngày 31/12/2019); đồng thời, hoàn thành việc nhập hệ thống Tabmis trong tuần đầu của năm 2020. Hiện nay tất cả các dự án đều đã có vốn ở Kho bạc Nhà nước để tiến hành giải ngân.

Tổng số vốn kế hoạch năm 2020 được giao: 15.787 tỷ đồng

Tổng số vốn đã phân bổ: 13.978,4 tỷ đồng;

Số vốn chưa phân bổ: 1.808,6 tỷ đồng, đây là vốn nước ngoài không có khả năng giải ngân trong năm 2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị điều chỉnh giảm cho các Bộ, ngành địa phương khác có nhu cầu (đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

2. Về công tác chỉ đạo điều hành và kết quả giải ngân quý I/2020

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị số 1493/CT-BNN-KH ngày 28/02/2020 về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý đầu tư và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 và Nghị quyết số 1021-NQ/BCSD ngày 25/3/2020 của Ban cán sự đảng Bộ về lãnh đạo, chỉ đạo quản lý, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Ngày 19/3/2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức họp giao ban trực tuyến toàn ngành về XD CB để chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nhằm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2020. Theo đó, Bộ đã yêu cầu các đơn vị chức năng thuộc Bộ, các chủ đầu tư tích cực, quyết liệt phối hợp triển khai đồng bộ các giải pháp đã đề ra và thống nhất phân đấu giải ngân tối thiểu đạt 90% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020. Riêng đối với các dự án phục vụ chống hạn, kiểm soát xâm nhập mặn được ưu tiên vốn tối đa và phải hoàn thành vượt tiến độ, giải ngân 100% vốn được giao.

Kết quả giải ngân quý I/2020 đạt 11,8%. Kế hoạch các quý tiếp theo: Quý II đạt 35%; Quý III đạt 60%; Quý IV đạt 95%.

3. Một số giải pháp tập trung trong thời gian tới

Tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để giải ngân nhanh các công trình, dự án thuộc danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, góp phần tác động đến tăng trưởng và phục vụ cho sản xuất cũng như phòng chống thiên tai; đặc biệt các dự án quan trọng, quy mô lớn như: (i) Các dự án vốn TPCP: Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ (tỉnh Ninh Thuận), Hồ chứa nước Đồng Mít (tỉnh Bình Định), Hồ chứa nước Krông Pách Thượng, Hồ chứa nước EaHleo (tỉnh Đắk Lắk), Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé GD1 (tỉnh Kiên Giang, tỉnh Cà Mau), Hệ thống thủy lợi Bắc Bến tre giai đoạn 1,...(ii) Các dự án ODA: Dự án Phát triển nông nghiệp có tưới, Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên, Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung, Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ...

Rà soát đưa vào danh mục các công trình quan trọng, đặc biệt là những công trình, dự án quan trọng đã được phê duyệt dự án hoặc đã có chủ trương đầu tư để sẵn sàng khởi công ngay khi bố trí được nguồn vốn.

Tổ chức định kỳ, đột xuất các hội nghị trực tuyến giao ban xây dựng cơ bản, kiểm tra, giám sát để kịp thời nhận diện vướng mắc của từng dự án, chủ đầu tư; đồng thời có giải pháp cụ thể tháo gỡ, đặc biệt là công tác đền bù GPMB.

Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường khai thông các thủ tục liên quan đến về chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, đất lúa ở các dự án đầu tư công.

V. KIẾN NGHỊ

Trong điều kiện diễn ra dịch bệnh vô cùng phức tạp trên toàn cầu hiện nay, để đảm bảo vững chắc căn bản an ninh lương thực, thực phẩm phẩm cho nhu cầu 96 triệu dân và đạt mục tiêu xuất khẩu năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bổ sung ngân sách cho đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp, coi đây là giải pháp kích cầu, thúc đẩy tăng trưởng trong thời điểm hiện nay; đặc biệt là các công trình dự án cấp bách, quan trọng trực tiếp phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân, phòng chống thiên tai.

Điều chỉnh giảm 1.808,605 tỷ đồng kế hoạch vốn nước ngoài năm 2020 do không có khả năng giải ngân (do các dự án khởi công mới năm 2020 được giao vốn muộn nên không giải ngân hết trong năm 2020).

- Bộ Tài chính

Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, người sản xuất nông lâm thủy sản ngoài, cụ thể:

+ Chính sách giảm thuế nhập khẩu thịt lợn;

+ Hỗ trợ kinh phí thuê kho, lưu kho vận chuyên, bảo quản nông sản cho 3.130 HTX nông nghiệp bị ảnh hưởng nặng với kinh phí 100 triệu đồng/HTX;

+ Hỗ trợ cho các Hợp tác xã trực tiếp sản xuất nông nghiệp trong thời gian 3 tháng, từ 1/4/2020, cụ thể: hỗ trợ 2 triệu đồng/01 ha lúa gieo trồng; hỗ trợ 4 triệu đồng/01 ha rau màu gieo trồng; 10 triệu đồng/01 ha thả nuôi thủy sản (tôm và cá tra);

+ Hỗ trợ người dân trong thời gian 3 tháng, từ ngày 01/4/2020, cụ thể: hỗ trợ 2 triệu đồng/01 ha lúa gieo trồng; hỗ trợ 4 triệu đồng/01 ha rau màu gieo trồng; 10 triệu đồng/ 01 ha thả nuôi thủy sản (tôm và cá tra).

- Bộ Công Thương

Tổ chức kiểm soát giá của chuỗi cung ứng lợn thịt và thịt lợn trên thị trường. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp trong việc cân đối cung cầu một mặt hàng thiết yếu, bình ổn giá cả, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tiếp tục theo dõi sát nhu cầu xuất nhập khẩu nông sản của các thị trường để kịp thời tận dụng tốt cơ hội từ các thị trường này.

Phối hợp Hiệp hội lương thực và các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo để đảm bảo dự trữ, lưu thông và bình ổn giá lúa gạo nội địa cũng như xuất khẩu trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

- Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Gói tín dụng 285.000 tỷ đối phó Covid-19, tuy nhiên, cần hướng dẫn các Ngân hàng thương mại, địa phương triển khai mạnh mẽ chính sách hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, thực hiện cơ cấu lại nợ (khoanh nợ, dẫn nợ, miễn giảm lãi vay); tiếp tục cho vay

mới với lãi suất ưu đãi cho người dân, doanh nghiệp để phục hồi sản xuất, kinh doanh thuộc diện chịu ảnh hưởng của dịch; đặc biệt đối với người chăn nuôi bị thiệt hại vì bệnh DTLCP được vay vốn để khôi phục sản xuất, tái đàn, tăng đàn và mở rộng mô hình chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh.

Triển khai chính sách ưu đãi lãi vay đối với các doanh nghiệp logistics để kịp thời hỗ trợ các dịch vụ hậu cần, lưu thông, kho lạnh, bảo quản hàng hóa nông lâm thủy sản.

Rà soát, đề xuất sửa đổi chính sách về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chế biến nông sản và cơ khí phục vụ nông nghiệp theo hướng mở rộng lĩnh vực, đối tượng được hưởng ưu đãi thuế suất. Phát triển hệ thống bảo hiểm nông nghiệp.

- Ban Chỉ đạo 398 quốc gia và các địa phương: Tổ chức ngăn chặn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp nhập lậu, vận chuyển, buôn bán trái phép lợn, sản phẩm lợn ra khỏi Việt Nam.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiêm túc giải pháp cấp bách để thúc đẩy sản xuất nông lâm thủy sản, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản trong nước và xuất khẩu trong bối cảnh ứng phó với dịch Covid-19 và tác động tiêu cực của thời tiết.

Chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương thường xuyên theo dõi sát tình hình sản xuất và lưu thông nông sản ở địa phương, không bị ứ đọng cục bộ, kịp thời thông báo tình hình đến các doanh nghiệp và người sản xuất để chủ động trong điều chỉnh kế hoạch sản xuất và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

Chỉ đạo đẩy nhanh công tác tổ chức thực hiện GPMB và bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA theo cam kết (vì đây là một trong các nguyên nhân chính dẫn đến chậm tiến độ dự án và chậm tiến độ giải ngân vốn đầu tư công).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để bc);
- Lưu: VT, KH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến